

21. Vận tải hành khách và hàng hoá tháng 6 và 6 tháng năm 2022

	Ước tính tháng 6 năm 2022	Ước tính 6 tháng năm 2022	Tháng 6 năm 2022 so với tháng trước (%)	Tháng 6 năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)	6 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021 (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.231,16	4.911,58	101,15	359,44	77,18
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	1.231,16	4.911,58	101,15	359,44	77,18
Hàng không					
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	154.659,22	616.801,90	101,09	359,11	78,57
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	154.659,22	616.801,90	101,09	359,11	78,57
Hàng không					
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	319,00	1.880,60	100,35	109,03	107,77
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	319,00	1.880,60	100,35	109,03	107,77
Hàng không					
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	21.792,40	127.415,60	100,36	109,36	106,37
Đường sắt					
Đường biển					
Đường thủy nội địa					
Đường bộ	21.792,40	127.415,60	100,36	109,36	106,37
Hàng không					